

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59 /2023/DS-ST

Ngày: 09 / 8 /2023

Về việc: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng
và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Quang Kim Cúc

2. Ông Nguyễn Phát Triển

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Vinh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Cẩm Dang - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023 tại Phòng xét xử Toà án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2023/TLST-DS, ngày 28/04/2023, về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2023/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 486/2023/QĐST-DS, ngày 21/7/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2 (B2); *Địa chỉ:* T, số A, Trần Quang K, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội; *Người đại diện theo pháp luật:* Phan Đức T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Đoàn Hữu T1 - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ2 - Chi nhánh S1; *Địa chỉ:* G H, Phường B, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp; Theo Quyết định ủy quyền số 518/QĐ-BIDV, ngày 21/06/2023.

Đoàn Hữu T1 ủy quyền cho Phạm Thiện S. Chức vụ: Giám đốc Phòng G; *Địa chỉ:* 66 KVC, Khóm C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Theo Quyết định ủy quyền số 588/BIDV.SĐ-QLRR, ngày 20/9/2022.

- Bị đơn: Từ Phước B - *Sinh năm:* 1961; *Địa chỉ:* B, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Từ Đ - Sinh năm: 1992; Địa chỉ: B, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

(Đại diện nguyên đơn, bị đơn có mặt,
người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2 là Phạm Thiện S trình bày:

Theo Hợp đồng cấp tín dụng số Hợp đồng: 01/2021/7506575, ngày 25/06/2021 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2 cho Từ Phước B1 vay vốn 100.000.000 đồng, mục đích vay để chăm sóc vườn quýt, thời hạn vay 11 tháng, lãi suất vay theo thỏa thuận trong Hợp đồng 9%/01 năm, định kỳ ba tháng trả lãi 01 lần, trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng Từ P đã không thực hiện đúng các nghĩa vụ trả nợ đã ký kết.

Khi vay thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/7506575/HĐBĐ ngày 19/9/2017, số công chứng 9473, quyền số 09 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 27/9/2017 của Phòng C; Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo đúng quy định pháp luật. Tài sản thế chấp 01 Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Quyền sử dụng đất thửa 2345, 1368, 1607, cùng tờ bản đồ số 01, diện tích: 1.480 m², mục đích sử dụng: đất T, Q, LNK, đất tọa lạc tại xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, số bìa C636385, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: 00126QSDĐ/B2, được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/9/1994 người đứng tên quyền sử dụng đất là hộ ông Từ Phước B1.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2 yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lai Vung giải quyết buộc Từ Phước B1 trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 100.000.000.đồng và lãi tính đến ngày 31/10/2022 là 7.384.931. Tổng cộng vốn lãi là 107.384.931 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 01/11/2022 theo Hợp đồng cấp tín dụng số: 01/2021/7506575/HĐTD, ngày 25/06/2021 cho đến khi trả xong nợ.

Công nhận Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/7506575/HĐBĐ ngày 19/9/2017, số công chứng 9473, quyền số 09 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 27/9/2017 của Phòng C. Trường hợp Từ Phước B1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp bảo đảm tiền vay của ông Từ Phước B1 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/7506575/HĐBĐ ngày 19/9/2017 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp Từ P đã thi hành án xong mà tài sản thế chấp không bị kê biên, phát mãi, bán đấu giá để thi hành án thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2 tự nguyện thực hiện nghĩa vụ trả cho Từ Phước B1, Từ Đ1 tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/7506575/HĐBĐ ngày 19/9/2017.

Thông nhất theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/6/2023.

* Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ bị đơn Từ P trình bày:

Từ P thừa nhận có vay ký kết Hợp đồng cấp tín dụng số Hợp đồng: 01/2021/7506575, ngày 25/06/2021 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2 cho Từ Phước B1 vay vốn 100.000.000 đồng, mục đích vay để chăm sóc vườn quýt, thời hạn vay 11 tháng, lãi suất vay theo thỏa thuận trong Hợp đồng 9%/01 năm, định kỳ ba tháng trả lãi 01 lần, trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng Từ P đã không thực hiện đúng các nghĩa vụ trả nợ đã ký kết.

Khi vay thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/7506575/HĐBĐ ngày 19/9/2017, số công chứng 9473, quyền số 09 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 27/9/2017 của Phòng C; Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo đúng quy định pháp luật. Tài sản thế chấp 01 Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Quyền sử dụng đất thửa 2345, 1368, 1607, cùng tờ bản đồ số 01, diện tích: 1.480 m², mục đích sử dụng: đất T, Q, LNK, đất tọa lạc tại xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, số bìa C636385, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: 00126QSDĐ/B2, được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/9/1994 người đứng tên quyền sử dụng đất là hộ ông Từ Phước B1.

Theo yêu cầu Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2. Từ Phước B1 đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 100.000.000.đồng và lãi tính đến ngày 31/10/2022 là 7.384.931. Tổng cộng vốn lãi là 107.384.931 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 01/11/2022 theo Hợp đồng cấp tín dụng số: 01/2021/7506575/HĐTD, ngày 25/06/2021 cho đến khi trả xong nợ.

Đồng ý công nhận Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/7506575/HĐBĐ ngày 19/9/2017, số công chứng 9473, quyền số 09 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 27/9/2017 của Phòng C. Trường hợp Từ Phước B1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp bảo đảm tiền vay của ông Từ Phước B1 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/7506575/HĐBĐ ngày 19/9/2017 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp Từ P đã thi hành án xong mà tài sản thế chấp không bị kê biên, phát mãi, bán đấu giá để thi hành án thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2 tự nguyện thực hiện nghĩa vụ trả cho Từ Phước B1, Từ Đ1 tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/7506575/HĐBĐ ngày 19/9/2017.

Thống nhất theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/6/2023, phần đất thế chấp ông Từ Phước B1 đang quản lý sử dụng, đồng ý bàn giao đất, tài sản và cây trồng có trên đất để bán tài sản thế chấp xử lý nợ vay Ngân hàng.

Đối với Từ Đ1 là con của ông Từ Phước B1, là thành viên trong hộ ông B1, có ký Hợp đồng ủy quyền đồng ý cho ông B1 thế chấp Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền Ngân hàng. Hiện nay Từ Đ1 đi làm ăn, không có ở nhà nhưng Ngân hàng, ông B1 có điện thoại trao đổi với Đ1 về việc số tiền ông B1 nợ Ngân hàng, Ngân hàng khởi kiện vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Lai Vung đang giải quyết, Từ Đ1 không về để giải quyết mà cho rằng tài sản của Từ Phước B1 muốn làm gì thì tùy.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Từ Đức đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng và không có văn bản ý kiến, phản bác gì yêu cầu của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung phát biểu quan điểm:

- Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Tòa án xử lý đơn khởi kiện chưa đúng quy định và bị đơn chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về phần nội dung: Về đường lối giải quyết vụ án, Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp thực tế, đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2 có đơn khởi kiện ông Từ Phước B1 trả nợ vay, công nhận hợp đồng thế chấp đây là vụ án “Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Đương sự có nơi cư trú tại huyện L, tỉnh Đồng Tháp, cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định, vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Từ P có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2, tổng số tiền số tiền nợ gốc là 100.000.000.đồng và lãi tính đến ngày 31/10/2022 là 7.384.931. Tổng cộng vốn lãi là 107.384.931 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 01/11/2022 theo Hợp đồng cấp tín dụng số: 01/2021/7506575/HĐTD, ngày 25/06/2021 cho đến khi trả xong nợ.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của Ngân hàng là Hợp đồng cấp tín dụng số: 01/2021/7506575/HĐTD, ngày 25/06/2021; Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/7506575/HĐBĐ ngày 19/9/2017, sổ công chứng 9473, quyển số 09 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 27/9/2017 của Phòng C; Biên bản làm việc các ngày 26/5/2022, ngày 25/5/2022, ngày 27/05/2022, ngày 15/6/2022, ngày 12/8/2022. Đồng thời ông Từ Phước B1 thừa nhận có ký kết hợp đồng và có vay, nợ tiền đúng như Ngân hàng trình bày và thống nhất trả nợ theo yêu cầu của

Ngân hàng.

Xét qua lời trình bày và yêu cầu của đương sự, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ có đủ căn cứ để khẳng định ông Từ Phước B1 vay tiền Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2, số tiền nợ gốc là 100.000.000.đồng và lãi tính đến ngày 31/10/2022 là 7.384.931 đồng, tổng cộng vốn lãi là 107.384.931 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 01/11/2022 theo Hợp đồng cấp tín dụng số: 01/2021/7506575/HĐTD, ngày 25/06/2021 cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng là đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, là phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự:

Điều 463 của Bộ luật dân sự quy định:

“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.

Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định về Nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; ...

Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định:

1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.

2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

Đối với Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/7506575/HĐBĐ ngày 19/9/2017, số công chứng 9473, quyền số 09 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 27/9/2017 của Phòng C. Hợp đồng được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo đúng quy định pháp luật và ông Từ Phước B1 đồng thời ông B1 là đại diện theo ủy quyền của Từ Đ1 thừa nhận có ký kết hợp đồng, thống nhất yêu cầu công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của Ngân hàng.

Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Từ Đ1 không đến Tòa án tham gia tố tụng cũng như không có văn bản ý kiến phản bác gì yêu cầu của nguyên đơn, xem như người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Từ Đ1 đã từ bỏ quyền phản bác của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2 là có cơ sở, đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về tiền tạm ứng án phí, án phí; chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên ông Từ Phước B1 phải chịu phần án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nhưng ông Từ Phước B1 có yêu cầu xin miễn tiền án phí và thuộc trường hợp miễn án phí theo quy định là có căn cứ, phù hợp với điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Từ P phải nộp 200.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Do Ngân hàng đã nộp và chi xong nên Từ Phước B1 phải nộp trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2 200.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với Điều 147, 155, 156, 157, 158 Bộ luật tố tụng dân sự;

[4] Xét thấy ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ thống nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 299, Điều 303, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 155, Điều 156, Điều 157, Điều 158, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2.

2. Buộc ông Từ Phước B1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 100.000.000.đồng và lãi tính đến ngày 31/10/2022 là 7.384.931. Tổng cộng vốn lãi là 107.384.931 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 01/11/2022 theo Hợp đồng cấp tín dụng số: 01/2021/7506575/HĐTD, ngày 25/06/2021 cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng.

3. Công nhận Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/7506575/HĐBĐ ngày 19/9/2017, số công chứng 9473, quyển số 09 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 27/9/2017 của Phòng C. Trường hợp Từ Phước B1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp bảo đảm tiền vay của ông Từ Phước B1 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/7506575/HĐBĐ ngày 19/9/2017 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp Từ P đã thi hành án xong mà tài sản thế chấp không bị kê biên, phát mãi, bán đấu giá để thi hành án thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2 tự nguyện thực hiện nghĩa vụ trả cho Từ Phước B1, Từ Đ1 tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/7506575/HĐBĐ ngày 19/9/2017.

4. Về tiền tạm ứng án phí, án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Ông Từ Phước B1 được miễn tiền án phí là 5.669.246 đồng (Năm triệu, sáu trăm sáu mươi chín nghìn, hai trăm bốn mươi sáu đồng).

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2 không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2 tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.984.800 đồng theo biên lai số 0015860, ngày 27/04/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Từ Phước Bình phải nộp 200.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Do Ngân hàng đã nộp và chi xong nên Từ Phước B1 phải nộp trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2 200.000 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/8/2023). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- CC THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Bích Huyền